

Số: 18/2018/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 21 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về cơ chế hỗ trợ phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 26/5/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 200/TTr-STC ngày 17/4/2018, Báo cáo thẩm định số 30/BC-STP ngày 29/3/2018 của Sở Tư pháp và ý kiến tham gia của các Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế hỗ trợ phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2018.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước Vĩnh Phúc; Cục trưởng Cục thuế Vĩnh Phúc và Thủ trưởng các ngành, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CPCT UBND tỉnh;
- Như điều 2;
- Báo VP, Đài PT-TH tỉnh, TT Công báo tỉnh,
- Công Thông tin- Giao tiếp điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KT1.
- (Đ- b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Duy Thành

QUY ĐỊNH

Ban hành quy định về cơ chế hỗ trợ phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cơ chế hỗ trợ phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc: Hỗ trợ lãi suất vay đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mua sắm mới phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, Cơ chế hỗ trợ chi phí cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mua sắm mới phương tiện phục vụ các tuyến xe buýt đáp ứng điều kiện quy định tại Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ Tài chính, khi trúng thầu khai thác tuyến mở mới hoặc được cơ quan có thẩm quyền đặt hàng, đấu thầu cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên các tuyến được đề xuất trong quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hỗ trợ lãi suất vay đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mua sắm mới phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất: Theo giá trị hợp đồng vay vốn đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mua sắm mới phương tiện, nhưng tối đa không vượt quá tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất sẽ giảm dần theo thời gian cam kết hoàn trả gốc vay được thể trong hợp đồng vay vốn.

2. Mức hỗ trợ: Bằng 80% lãi suất vay trong hạn tại các tổ chức tín dụng để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng và mua sắm mới phương tiện xe buýt, tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế.

3. Thời gian được hỗ trợ lãi suất: Là thời gian cho vay nợ của các tổ chức tín dụng, nhưng tối đa không quá 8 năm.

4. Nguyên tắc hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ, trình tự, thủ tục và các nội dung liên quan đến hỗ trợ lãi suất vay đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng và mua sắm mới phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 4. Cơ chế hỗ trợ chi phí cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Phương thức hỗ trợ chi phí: Phương thức hỗ trợ chi phí được tính theo lượt đối với từng tuyến, từng nhóm xe buýt.

2. Công thức tính:

Kinh phí hỗ trợ chi phí = Tổng chi phí lượt xe (đã tính lợi nhuận) - doanh thu khoán.

3. Nguyên tắc tính toán kinh phí hỗ trợ chi phí:

a) Doanh thu khoán:

Căn cứ doanh thu thực hiện những năm trước, dự báo tình hình thực hiện của những năm sau và doanh thu khác có liên quan đến hoạt động xe buýt (quảng cáo, thanh lý vật tư tài sản,...) để tính toán, xác định doanh thu khoán.

b) Tổng chi phí:

Căn cứ số lượt từng loại xe buýt chạy và số km của từng tuyến để xác định chi phí.

- Đối với những khoản chi phí đã có định mức quy định tại quyết định 1208/QĐ-CT ngày 31/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc V/v phê duyệt định mức kinh tế-Kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc thì thực hiện theo quy định tại quyết định 1208/QĐ-CT ngày 31/3/2016.

- Đối với những khoản chi phí chưa có quy định tại quyết định 1208/QĐ-CT ngày 31/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc thì tính theo chứng từ thực tế phát sinh và các quy định hiện hành của nhà nước.

- Chi phí quản lý tính bằng 5% của doanh thu bán vé.

Điều 5. Tạm ứng kinh phí hỗ trợ chi phí cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân được UBND tỉnh phê duyệt thực hiện hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, có trách nhiệm lập phương án hỗ trợ chi phí cho từng tuyến xe buýt.

Sở Tài chính phối hợp với Sở Giao thông vận tải kiểm tra phương án hỗ trợ chi phí cho từng tuyến xe buýt của các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân để làm cơ sở tạm ứng kinh phí hỗ trợ chi phí cho các đơn vị thực hiện.

Mức tạm ứng bằng 90% phương án hỗ trợ chi phí cho từng tuyến xe buýt, chia làm 2 lần (quý 1 ứng 50%, quý 3 ứng 40%).

Điều 6. Hồ sơ quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí

Hồ sơ để quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt bao gồm:

1. Thuyết minh hồ sơ quyết toán;
2. Biểu quyết toán trợ giá xe buýt quý, năm;
3. Biểu quyết toán lệ phí bến (nếu có);
4. Biểu quyết toán lệ phí cầu (nếu có);
5. Biểu quyết toán chi phí bảo hiểm hành khách thu hộ;
6. Các tài liệu có liên quan bao gồm:
 - Báo cáo quyết toán vé lượt tháng và quý, năm;
 - Biên bản quyết toán sản lượng, doanh thu vé tháng, quý, năm thực hiện;
 - Biên bản xác nhận số liệu tháng, quý, năm;
 - Biên bản nghiệm thu tháng, quý, năm;
 - Biên bản nghiệm thu quý, năm;
 - Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng (nếu có);
 - Hóa đơn lệ phí bến, cầu (nếu có);
 - Hóa đơn chi phí bảo hiểm hành khách thu hộ;
 - Các quyết định điều chỉnh (bản sao): Điều chỉnh đơn giá chi phí, lộ trình tuyến, huy động, tần suất vận hành, thay phương tiện, điều chỉnh số xe kế hoạch (nếu có).
 - Các tài liệu liên quan khác...

Điều 7. Quy trình quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân phải nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 02 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 của Quyết định này gửi Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Liên Sở: Giao thông vận tải, Tài chính tiến hành kiểm tra, xác nhận số liệu quyết toán và trình UBND tỉnh phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí làm căn cứ thanh toán tại Kho bạc Nhà nước Vĩnh Phúc

3. Sau khi có phê duyệt quyết toán kinh phí trợ giá của UBND tỉnh, Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Vĩnh Phúc thực hiện việc chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí về tài khoản của doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân đã thực hiện hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 8. Quy định giá vé các tuyến xe buýt được hỗ trợ chi phí từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Đối với các tuyến đang hoạt động áp dụng giá vé đã được UBND tỉnh quyết định giá vé cho từng tuyến. Khi thay đổi hình thức tổ chức, Sở Tài chính phối hợp cùng Sở Giao thông Vận tải trên cơ sở điều kiện khai thác thực tế (*cụ ly tuyến, hành trình bình quân của hàng khách, mức thu nhập của dân cư*) trên từng tuyến đề xuất giá vé lượt, vé tháng cho phù hợp.

Điều 9. Quy định về miễn, giảm giá vé

1. Miễn vé đi lại cho các đối tượng: Trẻ em dưới 06 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng.

2. Giảm 20% giá vé tháng, cho các đối tượng: Người có công với cách mạng, người cao tuổi, học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam.

3. Điều kiện để được miễn, giảm giá vé: Các đối tượng cần nộp bản Photocopy giấy tờ chứng minh cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân đang thực hiện cơ chế hỗ trợ chi phí cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc được cấp có thẩm quyền phê duyệt như: Thẻ học sinh, thẻ sinh viên, chứng minh nhân dân, Chứng nhận người có công với cách mạng hoặc giấy tờ tùy thân (có ảnh) được pháp luật công nhận.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, ngành

1. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc tổ chức kiểm tra các phương tiện đầu tư mới đảm bảo theo quy chuẩn hiện hành của Nhà nước.

b) Kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của các phương tiện được đầu tư mới phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân; các doanh nghiệp quản lý và khai thác bến xe căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức khai thác tuyến, quản lý và điều hành hoạt động của các tuyến xe buýt nhằm bảo đảm hiệu quả kinh doanh, giảm dần tiền hỗ trợ chi phí từ ngân sách nhà nước của từng tuyến.

c) Hàng năm xây dựng kế hoạch, dự toán chi tiết kinh phí hỗ trợ chi phí đối với từng tuyến xe buýt tham gia vận chuyển hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét thẩm định.

d) Thực hiện công tác quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt gồm:

- Xây dựng kế hoạch và biểu đồ các tuyến vận tải hành khách công cộng theo từng tháng, quý, năm. Căn cứ vào nhu cầu đi lại của nhân dân để đề xuất phê duyệt công bố tuyến, thay đổi tuyến, lộ trình hoạt động của xe buýt;

- Đề xuất tổ chức đấu thầu các tuyến xe buýt đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Ký kết hợp đồng kinh tế, nghiệm thu, thanh quyết toán với các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát các đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt về việc chấp hành các quy định, quy chế trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng do Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Giao thông vận tải ban hành.

đ) Đề xuất đầu tư, tổ chức quản lý và bảo trì, hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ hành khách công cộng bằng xe buýt phù hợp với thực tế khai thác trên từng tuyến xe buýt.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính để tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nguồn vốn hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân trong dự toán ngân sách tỉnh.

Thẩm định kế hoạch và chỉ đạo triển khai đấu thầu các tuyến xe buýt theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp Sở Giao thông Vận tải, cùng các sở, ngành liên quan:

- Tiếp nhận thẩm tra hồ sơ hỗ trợ lãi suất vay đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mua sắm mới phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Lập kế hoạch vốn hỗ trợ cho từng đối tượng, tổng hợp nhu cầu vốn hỗ trợ hàng năm để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bố trí trong kế hoạch phân bổ vốn của tỉnh.

- Thẩm định quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất vay đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng và mua sắm mới phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện thanh toán, kiểm tra, thẩm định quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí xe buýt, trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật làm cơ sở để thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí.

c) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải tổ chức thu hồi chi phí hỗ trợ lãi suất vay (có tính bảo toàn vốn) nếu các đối tượng được hưởng không thực hiện đúng cam kết.

Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân thực hiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

1. Thực hiện cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo đúng hợp đồng, các chỉ tiêu đấu thầu hoặc đặt hàng đã được phê duyệt.

2. Quản lý và sử dụng đúng quy định của Nhà nước về số tiền hỗ trợ chi phí, tiền hỗ trợ lãi suất vay đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng và mua sắm mới mới phương tiện.

3. Quyết toán tiền hỗ trợ chi phí theo đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo quyết toán.

Điều 12. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan phản ánh với Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Duy Thành